

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22-4-2026

V/v: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Bạt Hào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Nguyễn Phạm Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng tham gia phiên Tòa: ông Đỗ Hùng Cường – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 305/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2026/QĐST- HNGĐ ngày 05/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 305/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N – sinh năm 2002; địa chỉ: thôn P, xã H, TP Đà Nẵng, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đinh Ngọc A – sinh năm 1988; địa chỉ: thôn P, xã H, TP Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đinh Ngọc A đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H vào năm 2024. Sau kết hôn hai vợ chồng chung sống tại huyện H, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, ông A không lo tu chí làm ăn và chăm lo cho gia đình dẫn đến đời sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc. Gia đình hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện. Hiện nay bà và

ông A sống ly thân không có trách nhiệm gì với nhau. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà xin được ly hôn ông A.

- Về con chung: bà và ông A có 01 con chung Đinh Ngọc Tiên N1, sinh ngày 20/6/2025. Ly hôn, bà N có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án với nội dung như trên, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải để hàn gắn vợ chồng giữa bà N và ông A. Tuy nhiên ông A vắng mặt nên Tòa án không lấy lời khai được.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến:** Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” của bà Trần Thị N đối với ông Đinh Ngọc A;

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị N được ly hôn ông Đinh Ngọc A.

- Về con chung: Giao con chung Đinh Ngọc Tiên N1, sinh ngày 20/6/2025 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đinh Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập đến.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ bà Trần Thị N phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà N nộp đơn tại Tòa án nhân dân khu vực 4 và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn, ông Đinh Ngọc A được Tòa án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên ông A vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đinh Ngọc A theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị N và ông Đinh Ngọc A kết hôn vào năm 2025 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

- **Về hôn nhân:** Bà Trần Thị N cho rằng, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình không hợp, mỗi người có một quan điểm sống khác nhau, ông A không có trách nhiệm với gia đình. Do đó hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đinh Ngọc A.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã động viên bà Trần Thị N về tiếp tục sống chung với ông Đinh Ngọc A để cùng nhau nuôi dạy con chung và xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu kiên quyết xin được ly hôn đối với ông A.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức không thể hàn gắn được. Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo về phiên hòa giải nhưng ông A vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện ông A không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà Trần Thị N được ly hôn với ông Đinh Ngọc A là thỏa đáng.

- **Về nuôi con chung:** Bà N và ông A có 01 con chung, Đinh Ngọc Tiên N1, sinh ngày 20/6/2025. Ly hôn, bà N có nguyện vọng nuôi con chung. Không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện nay con chung đang nhỏ dưới 36 tháng tuổi bà N có nguyện vọng nuôi con, ông A cố tình vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến của ông về nguyện vọng đối với con chung điều đó cho thấy ông A không có nguyện vọng nuôi con chung do đó giao cháu N1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- **Về tài sản chung:** Không đề cập đến.

- **Về nợ chung:** Không có

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đinh Thị N2 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” của bà Trần Thị N đối với ông Đinh Ngọc A;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị N được ly hôn ông Đinh Ngọc A.

2. Về con chung: Giao con chung Đinh Ngọc Tiên N1, sinh ngày 20/6/2025 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đinh Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, các bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập đến.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ bà Trần Thị N phải chịu. Nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004920 ngày 04/11/2025, tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà N đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4;
- Phòng thi hành án khu vực 4,
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã H, TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Bạt Hào